TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 26/2019/DS-PT
Ngày 04-4-2019
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂNTỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Thanh
Bà Võ Thị Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Duyên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Phùng Bích Tuyền - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2019/TLPT-DS ngày 17 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp đòi lại tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 57/2018/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 50/2019/QĐPT-DS ngày 14 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn P3 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P1, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông Đinh Công H (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

3. Người kháng cáo ông Đinh Công H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Lê Văn P3 trình bày: Ngày 18/3/2017 ông có chuyển nhượng cho ông Đinh Công H 10.000m^2 đất với giá 2.000.000.000đồng (Hai tỷ đồng). Ngày 24/3/2017 ông H trả được 500.000.000đồng, còn thiếu

1.500.000.000đồng. Ông thưa ra chính quyền thì ngày 07/10/2017 ông H có làm tờ cam kết đến ngày 11/11/2017 sẽ trả đủ 1.500.000.000đồng và đóng lãi 2%/tháng. Nhưng đến ngày 10/11/2017 ông H chỉ trả được 500.000.000đồng và 10.000.000đồng tiền lãi của 500.000.000đồng. còn 1.000.000.000đồng và tiền lãi ông H không trả đủ. Sau đó ông khởi kiện ra Tòa án, ngày 26/01/2018 Tòa án nhân dân huyện C hòa giải thành, ông H đồng ý trả cho ông 1.012.120.000đồng (Một tỷ, không trăm mười hai triệu, một trăm hai chục nghìn đồng). Tiền lãi tính đến ngày 26/01/2018 là 60.000.000đồng thì ông đồng ý giảm cho ông H 30.000.000đồng, còn lại 30.000.000đồng hai bên làm tờ thỏa thuận. Ông đã thực hiện nghĩa vụ giao đất nhưng đến nay ông H không trả ông 30.000.000đồng. Ông khởi kiện yêu cầu ông H trả 30.000.000đồng nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ông chỉ yêu cầu trả ông 25.000.000đồng.

Bị đơn ông Đinh Công H trình bày: Ngày 18/3/2017 ông có chuyển nhượng của ông P3 phần đất diện tích 10.060m^2 với giá 2.012.120.000đồng. Ngày 21/3/2017 ông đưa cọc 500.000.000đồng, hẹn ngày 24/5/2017 sẽ trả đủ. Nhưng do phần đất ông P3 có tranh chấp nên ông P3 không giao đất cho ông và ông không giao tiền. Hai bên có thỏa thuận lãi suất 2%/tháng. Ngày 10/11/2017 ông có trả ông P3 500.000.000đồng và đóng lãi được 10.000.000đồng, còn lại 1.012.120.000đồng. Ngày 26/01/2018 Tòa án nhân dân huyện C hòa giải thành và ông thống nhất trả cho ông P3 số tiền còn lại trên. Cùng ngày ông và ông P3 có làm tờ thỏa thuận với nội dung phần đất ông P3 bán cho ông (đang được ông P3 cho thuê) đến hết hợp đồng ông mới nhận lại nhưng ông P3 phải làm đường khác cho ông vận chuyển hàng thì ông sẽ trả cho ông P3 30.000.000đồng tiền lãi, nhưng đến nay ông P3 không làm đường cho ông nên ông không đồng ý theo yêu cầu của ông P3.

Tại bản án sơ thẩm số 57/2018/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn P3. Buộc ông Đinh Công H phải trả cho ông Lê Văn P3 25.000.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ của người phải thi hành án khi chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, bị đơn ông Đinh Công H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 57/2018/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang yêu cầu: Sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn P3.

Tại phiên tòa, bị đơn ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Không đồng ý trả số tiền lãi như ông P3 trình bày, ông thừa nhận giữa ông và ông P3 có lập tờ thỏa thuận ngày 26/01/2018 nhưng với điều kiện là ông P3 phải làm đường đi cho ông để vận chuyển hàng hóa thì ông mới trả số tiền lãi 30.000.000 đồng như nội dung tờ thỏa thuận.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem là hợp lệ.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Ông Lê Văn P3 và ông Đinh Công H đều thừa nhận: Giữa ông Lê Văn P3 và ông Đinh Công H có tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đã được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 06/2018/QĐST-DS ngày 05/02/2018 nội dung là ông H thống nhất trả cho ông P3 số tiền chuyển nhượng còn lại là 1.012.120.000.000 đồng là hoàn tất nợ, ngoài ra, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 kể từ ngày có

đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

- Ngày 26/01/2018 giữa ông P3 và ông H có lập tờ thỏa thuận riêng nội dung: "Phần đất anh P3 bán cho tôi (phần đất anh P3 cho thuê) đến hết hợp đồng tôi mới nhận lại nhưng anh P3 phải làm đường khác cho tôi vận chuyển hàng theo đúng quy định, thông tư 45 của Bộ nông nghiệp. Tôi phải trả lãi 30.000.000đồng, ký tên Đinh Công H". Hai bên đương sự đều thống nhất có lập biên bản thỏa thuận với nội dung như trên. Căn cứ vào nội dung và câu chữ trong tờ thỏa thuận thì có thể thấy thỏa thuận gồm hai nội dung: Thứ nhất: "Phần đất anh P3 bán cho tôi (phần đất anh P3 cho thuê) đến hết hợp đồng tôi mới nhận lại nhưng anh P3 phải làm đường khác cho tôi vận chuyển hàng theo đúng quy định, thông tư 45 của Bộ nông nghiệp" trong trường hợp này nếu ông P3 chưa giao đất cho ông H do đang còn thời hạn hợp đồng cho người khác thuê thì ông H đồng ý nhưng ông P3 phải làm đường đi khác cho ông H vận chuyển hàng. Nhưng thực tế sau đó, ông P3 đã lấy lại đất cho thuê để giao lại cho ông H nên việc phải làm đường đi khác là không cần thiết, mặc khác trong tờ thỏa thuận không ràng buộc ông P3 phải làm đường đi cho ông H thì ông H mới trả số tiền lãi 30.000.000 đồng và hiện tại phần đất ông nhận chuyển nhượng của ông P3 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng với diện tích ông đã nhận chuyển nhượng của ông P3.

Thứ hai: "Tôi phải trả lãi 30.000.000đồng". Đây là số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng chuyển nhượng do hai bên thỏa thuận không thể hiện nội dung theo đơn kháng cáo và lời trình bày tại biên bản hòa giải của ông H cho rằng việc thỏa thuận trả lãi 30.000.000đồng là thỏa thuận khi ông H làm đường thì ông sẽ hỗ trợ cho ông P3 thêm 30.000.000đồng vì không có từ ngữ nào thể hiện việc ông hỗ trợ 30.000.000đồng ghi trong tờ thỏa thuận. Nội dung cũng không hề thể hiện là khi ông P3 làm đường thì tôi sẽ hỗ trợ 30.000.000đồng hoặc khi ông P3 làm đường đi khác cho tôi vận chuyển hàng thì tôi mới đồng ý trả lãi 30.000.000đồng. Mặt khác tại phiên tòa sơ thẩm ông H cũng thừa nhận 30.000.000đồng theo tờ thỏa thuận là tiền lãi. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông H là không có cơ sở.

Tại phiên tòa, bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên xét kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Việc nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Đinh Công H trả số tiền 25.000.000đồng không phải 30.000.000đồng như tờ thỏa thuận là sự tự nguyện của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn. Do vậy, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đinh Công H nên ông H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 164, Điều 166, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đinh Công H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 57/2018/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn P3.

Buộc ông Đinh Công H phải trả cho ông Lê Văn P3 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đinh Công H phải chịu 1.250.000đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Hoàn trả lại cho ông Lê Văn P3 750.000đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai số 0017765 ngày 24/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đinh Công H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông H đã nộp theo biên lai thu số 0017863 ngày 28/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 04/4/2019.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thanh – Võ Thị Phượng **Trịnh Thị Bích Hạnh**